

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày 20-01-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Quang Tuyền

2. Ông Dương Tấn Đấu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Chí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 236/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hải C, sinh năm 1981 (xin xét xử mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp SĐ, xã DT, Tp.PQ, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, Khu Phố A, phường A T, Tp.PQ, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2020 và quá trình giải quyết vụ kiện anh Lê Hải C trình bày: Ngày 26-11-2018 anh Lê Hải C cho chị Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 100.000.000 đồng, không nêu thời hạn vay, lãi suất vay 1%/tháng. Chị T viết biên nhận, ký tên xác nhận nợ. Từ ngày vay đến nay chị T không trả lãi

và vốn cho anh C. Anh C yêu cầu chị T trả tiền nhưng chị T hẹn mà không thực hiện.

Nay anh Lê Hải C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả nợ vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu chị T trả tiền lãi.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ mới, khai nại thêm tình tiết mới.

Chị Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn, theo xác minh của chính quyền địa phương (Ban nhân dân Khu phố A và UBND phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang), chị T có địa chỉ thường trú và có mặt đang sinh sống tại Tổ 3, Khu phố A, phường A T, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Khi Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý vụ án, ngày 25-8-2020 Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số: 236/TB-TLVA ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho chị T trực tiếp ký nhận. Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án chị T không viết bản tự khai hoặc bản tường trình để phản hồi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án để yêu cầu Tòa án xem xét đến quyền lợi của mình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị T để lấy lời khai, hòa giải và xét xử nhưng chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của chị T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

- **Về thủ tục tố tụng:** Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn xét xử có vi phạm nhưng việc vi phạm không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Chị Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn, được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng chị T vắng mặt không rõ lý do. Đề nghị HĐXX xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án:** Anh C cho rằng năm 2018 có cho chị Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 100.000.000đ, đến nay chị T chưa trả nợ. Anh C có cung cấp biên nhận nợ 26-11-2018 thể hiện chị Nguyễn Thị Thanh T có ký xác nhận nợ anh Lê Hải C số tiền 100.000.000đ là phù hợp theo yêu cầu khởi kiện của

anh C. Đề nghị HĐXX xác định giữa anh C và chị T có xác lập quan hệ dân sự về vay tài sản và căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh C. Buộc chị T trả cho anh C số tiền 100.000.000đ là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn, chị T có địa chỉ thường trú và đang sinh sống tại Tổ 3, Khu phố A, phường A T, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án số: 236/TB-TLVA ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho chị T ký nhận. Sau khi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị T để lấy lời khai, hòa giải và xét xử nhưng chị T vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Lê Hải C cho rằng vào ngày 26-11-2018, anh C có cho chị Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 100.000.000đ, không nêu thời hạn vay, lãi vay 1%/tháng, mục đích vay để có làm vốn kinh doanh. Chị T có viết biên nhận, ký tên xác nhận nợ với anh C. Tuy nhiên, năm 2020 anh C yêu cầu chị T trả nợ nhưng chị T khất nợ, hẹn nhiều lần mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho anh C. Do đó, anh C khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chị T trả khoản nợ 100.000.000đ.

Chị Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn, ngày 25-8-2020 Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số: 236/TB-TLVA ngày 19 tháng 8 năm 2020 cho chị T trực tiếp ký nhận. Tuy nhiên, chị T không lập bản tự khai để phản hồi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án để yêu cầu Tòa án xem xét đến quyền lợi của mình nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của chị T.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh C phù hợp với bản gốc biên nhận nợ đề ngày 26-11-2018 do anh C cung cấp, thể hiện chị T có viết và ký tên vào biên nhận nợ đề ngày 26-11-2018, vay anh C số tiền 100.000.000đ. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở

để xác định anh C và chị T có xác lập quan hệ vay tài sản. Anh C khởi kiện căn cứ theo biên nhận nợ ngày 26-11-2018 yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ 100.000.000đ là có căn cứ.

Theo nội dung biên nhận ngày 26-11-2018 thể hiện chị T viết, ký tên xác nợ đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho anh C là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, HĐXX cần buộc chị T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh C số tiền nợ vay 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả cho anh Lê Hải C số tiền 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Hải C có yêu cầu khởi kiện được Tòa chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Lê Hải C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002974, ngày 14-8-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26; 39; 147; 227 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hải C.

2- Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T trả cho anh Lê Hải C số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho anh Lê Hải C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002974, ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Phú Quốc;
- T.H.A DS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Kiệt